

CÔNG VĂN ĐẾN số: 305
Ngày 7 tháng 9 năm 2015

Đ/ Hinh

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 42 /2015/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 01 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về mức hỗ trợ, các khoản đóng góp, chế độ miễn, giảm chi phí đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh và Nghị định số 61/2011/NĐ-CP ngày 26/7/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi là Nghị định 221/2013/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày 08/10/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh xã hội quy định về quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

Thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 09/7/2015 của HĐND tỉnh Lào Cai về việc bãi bỏ Nghị quyết số 30/2012/NQ-HĐND ngày 14/12/2012 do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành;

Đ/ Hinh
- UBP
- PKTB

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, tại Tờ trình số 124/TTr-LĐTBXH ngày 21/7/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức hỗ trợ, các khoản đóng góp, chế độ miễn, giảm chi phí đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc, Trưởng các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 60/2012/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ, chế độ miễn giảm, trách nhiệm đóng góp đối với người cai nghiện ma túy, quản lý sau cai; kinh phí hoạt động, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ làm công tác cai nghiện tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Quyết định số 09/2013/QĐ-UBND ngày 03/5/2013 của UBND tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung một số điều của bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 60/2012/QĐ-UBND./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Lao động - TBXH;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban: VHXH - KTNS HĐND tỉnh;
- Như Điều 3 Quyết định;
- Sở Tư pháp;
- Công báo Lào Cai;
- Báo Lào Cai;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Chi cục Phòng, chống TNXH tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NC, VX. *huc*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Doãn Văn Hưởng
Doãn Văn Hưởng

QUY ĐỊNH

Về mức hỗ trợ, các khoản đóng góp, chế độ miễn, giảm chi phí đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai
(Kèm theo Quyết định số 42/2015/QĐ-UBND ngày 01/9/2015 của UBND tỉnh Lào Cai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về mức hỗ trợ, các khoản đóng góp, chế độ miễn, giảm chi phí đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Các nội dung khác có liên quan đến mức hỗ trợ, các khoản đóng góp, chế độ miễn, giảm chi phí đối với người nghiện ma túy áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, tại gia đình và cộng đồng không quy định tại Quy định này thì được thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội (sau đây gọi là Trung tâm); các cơ quan, tổ chức sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm và tham gia công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

2. Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Người chưa thành niên nghiện ma túy chữa trị cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm, người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm; người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại gia đình, cộng đồng theo Luật phòng, chống ma túy.

4. Người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định được đưa vào Cơ sở xã hội trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm.

5. Người đã hoàn thành xong thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm được áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại nơi cư trú.

Điều 3. Nguồn kinh phí và phân cấp quản lý

1. Nguồn kinh phí:

a) Nguồn dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách địa phương.

b) Nguồn ngân sách Chương trình mục tiêu Quốc gia phòng, chống ma túy.

- c) Nguồn đóng góp của bản thân hoặc gia đình người nghiện, người sau cai nghiện ma túy.
- d) Nguồn thu từ kết quả lao động sản xuất của Trung tâm.
- đ) Nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
2. Việc lập dự toán, thu, chi, thanh quyết toán kinh phí cho công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương II

MỨC HỖ TRỢ, CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP, CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM CHI PHÍ ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY CHỮA TRỊ, CAI NGHIỆN TẠI TRUNG TÂM CHỮA BỆNH - GIÁO DỤC - LAO ĐỘNG XÃ HỘI

Điều 4. Chế độ hỗ trợ cho người nghiện trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính, người chưa thành niên chữa trị, cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Tiền hoạt động văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/học viên/năm.
2. Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/học viên/tháng.
3. Tiền ăn đường, tiền tàu xe: Học viên thuộc đối tượng là thân nhân người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo sau khi chấp hành xong quyết định trở về nơi cư trú được cấp tiền ăn đường, tiền tàu xe như sau:
 - a) Tiền ăn là 40.000 đồng/người/ngày trong những ngày đi đường, tối đa không quá 3 ngày;
 - b) Tiền tàu xe theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng tại địa phương. Trường hợp sử dụng phương tiện cơ quan, đơn vị, chi phí tính theo số km và tiêu hao nhiên liệu thực tế; trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng, chứng từ, hóa đơn thực tế và phù hợp với giá trên địa bàn cùng thời điểm.

Điều 5. Các khoản đóng góp, chế độ miễn, giảm đối với người cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm

1. Các khoản đóng góp:
 - a) Tiền ăn 40.000 đồng/người/ngày;
 - b) Thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện và thuốc chữa bệnh thông thường khác: 650.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;
 - c) Xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác: 200.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;
 - d) Sinh hoạt văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/người/năm;
 - đ) Học văn hoá, học nghề (nếu bản thân đối tượng có nhu cầu) mức thu theo mức hợp đồng đào tạo cụ thể cho từng khóa học nghề, khóa học văn hóa;
 - e) Điện, nước, vệ sinh: 80.000 đồng/người/tháng;
 - g) Tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất mức 50.000 đồng/người/tháng;
 - h) Phục vụ, quản lý: 100.000 đồng/người/tháng.
2. Chế độ miễn, giảm
 - a) Miễn các khoản đóng góp đối với những trường hợp người thuộc diện hộ nghèo, người thuộc gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách

mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện Bảo trợ xã hội, người khuyết tật; người nhiễm HIV/AIDS.

b) Giảm 50% kinh phí phải đóng góp đối với những trường hợp người thuộc diện hộ cận nghèo.

Chương III

MỨC HỖ TRỢ, CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP, CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM CHI PHÍ ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY CHỮA TRỊ, CAI NGHIỆN TẠI GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG

Điều 6. Chi hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng

Căn cứ vào số lượng người nghiện có hồ sơ quản lý hàng năm, UBND cấp xã phân công từ 01 đến 03 cán bộ phụ trách công tác theo dõi, quản lý đối tượng nghiện ma túy, đối tượng cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai tại nơi cư trú và hưởng mức hỗ trợ 350.000 đồng/người/tháng, cụ thể như sau:

1. Xã, phường, thị trấn có dưới 50 người nghiện ma túy được bố trí 01 cán bộ;
2. Xã, phường, thị trấn có 50 đến dưới 100 người nghiện ma túy được bố trí 02 cán bộ;
3. Xã, phường, thị trấn có 100 người nghiện ma túy trở lên được bố trí 03 cán bộ.

Điều 7. Các khoản đóng góp

Người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc và tự nguyện tại cộng đồng hoặc gia đình của người nghiện ma túy có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí trong thời gian cai nghiện (trừ trường hợp được miễn, giảm theo quy định của UBND tỉnh Lào Cai và được hỗ trợ một số khoản theo quy định tại Điều 13 Thông tư 148/2014/TTLT - BTC - BLĐTBXH ngày 08/10/2014, gồm:

1. Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: 200.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;
2. Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện: 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;
3. Tiền ăn: 40.000 đồng/người/ngày;
4. Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng;
5. Tiền hoạt động văn thể: 50.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;
6. Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có). Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Chế độ hỗ trợ, miễn, giảm

1. Chế độ hỗ trợ:

1.1. Người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy mức 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

1.2. Người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ các khoản sau:

a) Tiền thuốc hỗ trợ điều trị cắt cơn nghiện ma túy: 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;

b) Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung: mức 40.000 đồng/người/ngày, thời gian tối đa không quá 15 ngày.

2. Chế độ miễn, giảm đối với người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng:

2.1. Miễn các khoản đóng góp đối với những trường hợp người thuộc diện hộ nghèo, người thuộc gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật; người nhiễm HIV/AIDS.

2.2. Giảm 50% kinh phí phải đóng góp đối với những trường hợp người thuộc diện hộ cận nghèo.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Hàng năm, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy cho UBND các huyện, thành phố, Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Sở Tài chính trong việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách về công tác cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma túy quy định tại Quyết định này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ các nguồn kinh phí hàng năm cho UBND các huyện, thành phố, Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh; cân đối, đảm bảo nguồn vốn thực hiện chính sách về công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

3. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện công tác cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh. Thẩm định dự toán, cấp phát kinh phí và hướng dẫn, đôn đốc đơn vị sử dụng kinh phí, quyết toán kinh phí theo đúng chế độ quy định hiện hành.

4. Sở Y tế: Chủ trì hướng dẫn các cơ sở thực hiện thu giá các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định hiện hành. Xây dựng định mức chi một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone trình UBND tỉnh ban hành.

5. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; Giám đốc, Trưởng các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn: Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch được giao, triển khai thực hiện chính sách cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy theo Quy định này.

Điều 10. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Định kỳ 6 tháng, một năm UBND các huyện, thành phố tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện Quy định này về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này có khó khăn, vướng mắc, phát sinh, các ý kiến kịp thời phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./_{2/1}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *ar*



Doãn Văn Hưởng